

Đà Nẵng, ngày 10 tháng 6 năm 2020

**BIÊN BẢN HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH 13 ban hành ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí Đà Nẵng đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua ngày 11/4/2018.

Vào hồi 8h00' ngày 10 tháng 6 năm 2020 tại Văn phòng Công ty 53 Trần Phú, Phường Hải Châu 1, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Công ty cổ phần Máy – Thiết bị Dầu khí Đà Nẵng tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020

I. Phần nghi thức Đại Hội

1. Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông: Thay mặt Ban kiểm tra tư cách cổ đông, Ông Trần Hữu Thành, Trưởng Ban báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội như sau:

+ Tổng số cổ đông có quyền tham dự Đại hội là 122 cổ đông tương ứng với 4.200.000 cổ phần có quyền biểu quyết và đại diện 100% vốn điều lệ.

+ Số cổ đông và Người đại diện ủy quyền dự họp có mặt tại Đại Hội là 72 cổ đông, sở hữu 3.512.200 cổ phần, chiếm 83,62%/ Vốn điều lệ;

- Căn cứ Khoản 1 Điều 141 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty cổ phần Máy – Thiết bị Dầu khí Đà Nẵng, Đại Hội Đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty cổ phần Máy – Thiết bị Dầu khí Đà Nẵng đã đủ điều kiện tiến hành.

2. Giới thiệu, thông qua danh sách Đoàn Chủ tịch, Ban Thư ký, Ban Kiểm phiếu.

Thay mặt Ban Tổ chức, Ông Nguyễn Đình Trung giới thiệu Danh sách **Đoàn chủ tịch**. Đại hội đã thông qua với 100% biểu quyết tán thành theo danh sách như sau:

- | | |
|------------------------|--|
| - Ông Phan Trung Nghĩa | - Chủ tịch HĐQT, Chủ tịch Đoàn |
| - Ông Đàm Ngọc Bảo | - Ủy viên HĐQT, Giám đốc Công ty, Thành viên |
| - Ông Nguyễn Đình Phúc | - Ủy viên HĐQT, Thành viên |

Thay mặt Đoàn chủ tịch, Ông Nguyễn Đình Phúc giới thiệu danh sách Ban thư ký và Ban kiểm phiếu. Đại hội đã thông qua với 100% biểu quyết tán thành theo danh sách như sau:

- **Ban thư ký** (gồm 02 thành viên):

- + Ông Nguyễn Quốc Mạnh - P.Tổng hợp, Trưởng Ban
- + Bà Nguyễn Thị Hoàng Trang - Phó Phòng TCKT, Thành viên

- **Ban kiểm phiếu** (gồm 03 thành viên):

- + Ông Trần Hữu Thành - Phó Giám đốc, Trưởng ban
- + Ông Đỗ Đức Quang - Trung tâm ô tô Daesco, Thành viên
- + Bà Thái Thảo Ngọc - P. Tổng hợp, Thành viên

3. Thông qua chương trình nghị sự của Đại hội

Thay mặt Đoàn chủ tịch, Ông Phan Trung Nghĩa thông qua chương trình, nội dung tại Đại hội. Đại hội đã nhất trí với tỷ lệ 100% biểu quyết tán thành. Chương trình làm việc gồm các nội dung sau:

- Quy chế làm việc của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2020;
- Báo cáo của HĐQT tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2020;
- Báo cáo kết quả SXKD năm 2019 và phương hướng SXKD năm 2020;
- Báo cáo của Ban kiểm soát tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2020;
- Tờ trình về việc thông qua Báo cáo tài chính năm cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 đã được kiểm toán;
- Tờ trình thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2019;
- Tờ trình về việc thông qua quyết toán thù lao của HĐQT, BKS, TK HĐQT năm 2019 và phương án thù lao HĐQT, BKS, TK HĐQT năm 2020;
- Tờ trình về việc thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020;
- Tờ trình về việc lựa chọn danh sách đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020;
- Tờ trình về việc bổ sung ngành nghề đăng ký kinh doanh và sửa đổi Điều lệ Công ty;
- Tờ trình về việc thông qua miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị;
- Quy chế đề cử, ứng cử, bầu cử bổ sung thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2016-2020.

II. Phần trình bày nội dung Đại hội

1. Thay mặt Đoàn Chủ tịch, Ông Nguyễn Đình Phúc đọc Quy chế làm việc của Đại hội. Đại hội đã tiến hành biểu quyết thông qua với 100% tỷ lệ biểu quyết tán thành.

2. Thay mặt Hội đồng quản trị, Ông Phan Trung Nghĩa – Chủ tịch HĐQT báo cáo kết quả hoạt động của HĐQT năm 2019 và kế hoạch hoạt động năm 2020 tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2020.

3. Thay mặt Ban điều hành, Ông Đàm Ngọc Bảo – Giám đốc Công ty báo cáo kết quả SXKD năm 2019 và kế hoạch SXKD năm 2020 tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2020.

4. Thay mặt Ban kiểm soát, Bà Trần Thị Quyên – Thành viên Ban kiểm soát Công ty báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2020.

5. Được sự ủy nhiệm của Hội đồng quản trị, Ông Nguyễn Thơi – Ủy viên HĐQT, Kế toán trưởng trình bày:

- Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán;
- Tờ trình thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2019;
- Tờ trình lựa chọn danh sách đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020.

6. Được sự ủy nhiệm của Hội đồng quản trị, Ông Trần Hữu Thành – Ủy viên HĐQT, Phó Giám đốc trình bày:

- Tờ trình thông qua Quyết toán thù lao của HĐQT; BKS; TK HĐQT năm 2019 và phương án thù lao HĐQT; BKS; TK HĐQT năm 2020;
- Tờ trình thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020;
- Tờ trình về việc bổ sung ngành nghề đăng ký kinh doanh và sửa đổi Điều lệ Công ty;
- Tờ trình về việc thông qua miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.

Đại hội biểu quyết thông qua Tờ trình về việc miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị với tỷ lệ biểu quyết như sau:

- Số cổ phần tán thành là 3.932.626 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100% /tổng số cổ phần hiện diện có quyền biểu quyết.

- Số cổ phần không tán thành là 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%/tổng số cổ phần hiện diện có quyền biểu quyết.

- Số cổ phần không có ý kiến là 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%/tổng số cổ phần hiện diện có quyền biểu quyết.

7. Được sự ủy nhiệm của Hội đồng quản trị, Ông Ông Trần Hữu Thành – Ủy viên HĐQT, Phó Giám đốc trình bày:

- Quy chế đề cử, ứng cử, bầu cử bổ sung thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2016-2020.

Đại hội đã biểu quyết thông qua Quy chế đề cử, ứng cử, bầu cử bổ sung thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2016-2020 với tỷ lệ 100%.

8. Được sự ủy nhiệm của Hội đồng quản trị, Ông Trần Hữu Thành – Trưởng Ban kiểm tra tư cách cổ đông báo cáo tình hình các cổ đông/nhóm cổ đông có đủ tiêu chuẩn, điều kiện tham gia đề cử/ứng cử bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2016-2020 và danh sách dự kiến bầu bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2016-2020.

Đại hội biểu quyết thông qua danh sách bầu bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2016-2020 với tỷ lệ biểu quyết như sau:

- Số cổ phần tán thành là 3.932.626 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100% /tổng số cổ phần hiện diện có quyền biểu quyết.

- Số cổ phần không tán thành là 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%/tổng số cổ phần hiện diện có quyền biểu quyết.

- Số cổ phần có ý kiến khác là 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%/tổng số cổ phần hiện diện có quyền biểu quyết.

Danh sách bầu bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2016-2020:

- Ông Nguyễn Văn Trung

9. Đại hội tiến hành bỏ phiếu bầu bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2016-2020.

III. Phần thảo luận các nội dung tại Đại hội

* Trong quá trình thảo luận, một số cổ đông đã có ý kiến như sau:

- Đánh giá cao sự lãnh đạo của HĐQT, Ban Giám đốc Công ty và CBCNV toàn Công ty trong năm 2019 đã phấn đấu hoàn thành xuất sắc kế hoạch SXKD cả về doanh thu và lợi nhuận.

- Kết quả SXKD năm 2019 phát triển tốt, đặc biệt lĩnh vực kinh doanh ô tô Mitsubishi và cho thuê kho bãi. Đánh giá cao tính kỷ luật và đoàn kết của CBCNV trong toàn Công ty, đã chung tay góp sức đưa Công ty ngày càng phát triển.

- Đầu năm 2020 do dịch bệnh bùng phát sẽ ảnh hưởng đến SXKD, hy vọng toàn thể Công ty sẽ đoàn kết, cố gắng vượt qua khó khăn để phấn đấu hoàn thành kế hoạch

SXKD năm 2020, nắm bắt thị trường để mở rộng các ngành nghề kinh doanh mới, cố gắng phấn đấu tăng doanh thu và lợi nhuận để có thể tăng cổ tức cho cổ đông

* Đoàn chủ tịch đã báo cáo bổ sung, giải trình từng câu hỏi và các kiến nghị của cổ đông. Các cổ đông đã chấp thuận với nội dung báo cáo, giải trình của Đoàn chủ tịch.

IV. Phần biểu quyết tại Đại hội

Ông Trần Hữu Thành – Đại diện Ban kiểm tra tư cách cổ đông báo cáo về tình hình cổ đông tham dự Đại hội tại thời điểm 10h30' là 82 cổ đông, sở hữu 3.932.626 cổ phần, chiếm tỷ lệ 93,63% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

* **Đại hội tiến hành biểu quyết từng nội dung đã được trình bày và thảo luận:**

1. Báo cáo của HĐQT tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2020.

Kết quả biểu quyết

- Số cổ phần tán thành là 3.932.626 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100%/tổng số cổ phần hiện diện có quyền biểu quyết.

- Số cổ phần không tán thành là 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%/tổng số cổ phần hiện diện có quyền biểu quyết.

- Số cổ phần có ý kiến khác là 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%/tổng số cổ phần hiện diện có quyền biểu quyết.

2. Báo cáo kết quả SXKD năm 2019 và phương hướng SXKD năm 2020.

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm 2019	Thực hiện năm 2019	
				TH năm 2019	%TH so KH
1	Doanh thu, thu nhập	Tỷ đồng	300,00	806,51	269%
2	Lợi nhuận trước thuế	Nt	1,65	3,41	207%
3	Lợi nhuận sau thuế	Nt	1,32	2,73	207%
4	Nộp ngân sách nhà nước	Nt	1,20	3,30	275%
5	Giá trị đầu tư	Nt	6,50	5,99	92%

Kết quả biểu quyết

- Số cổ phần tán thành là 3.932.626 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100%/tổng số cổ phần hiện diện có quyền biểu quyết.

- Số cổ phần không tán thành là 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%/tổng số cổ phần hiện diện có quyền biểu quyết.

11/10/2020

- Số cổ phần có ý kiến khác là 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%/tổng số cổ phần hiện diện có quyền biểu quyết.

3. Báo cáo của Ban kiểm soát tại ĐHCĐ thường niên năm 2020

Kết quả biểu quyết

- Số cổ phần tán thành là 3.932.626 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100%/tổng số cổ phần hiện diện có quyền biểu quyết.

- Số cổ phần không tán thành là 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%/tổng số cổ phần hiện diện có quyền biểu quyết.

- Số cổ phần có ý kiến khác là 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%/tổng số cổ phần hiện diện có quyền biểu quyết.

4. Báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán

Kết quả biểu quyết

- Số cổ phần tán thành là 3.932.626 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100%/tổng số cổ phần hiện diện có quyền biểu quyết.

- Số cổ phần không tán thành là 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%/tổng số cổ phần hiện diện có quyền biểu quyết.

- Số cổ phần có ý kiến khác là 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%/tổng số cổ phần hiện diện có quyền biểu quyết.

5. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2019

Stt	Nội dung	Tỷ lệ phân phối	Số tiền (đồng)
1	Vốn góp của chủ sở hữu (VĐL)		42.000.000.000
2	Lợi nhuận chưa phân phối các năm trước		125.418.787
3	Lợi nhuận sau thuế năm 2019 (LNST)		2.728.764.773
4	Trích lập các quỹ và chia cổ tức		1.560.164.125
a	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	10% x LNST	272.876.477
b	Quỹ thưởng Ban quản lý điều hành	1% x LNST	27.287.648
c	Chia cổ tức	3% x VĐL	1.260.000.000
5	Lợi nhuận còn lại chưa phân phối (5) = (2) + (3) - (4)		1.294.019.435

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty xem xét quyết định lựa chọn thời gian và địa điểm trả cổ tức phù hợp với tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty và lợi ích của cổ đông.

Kết quả biểu quyết

- Số cổ phần tán thành là 3.932.626 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100%/tổng số cổ phần hiện diện có quyền biểu quyết.

- Số cổ phần không tán thành là 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%/tổng số cổ phần hiện diện có quyền biểu quyết.

- Số cổ phần có ý kiến khác là 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%/tổng số cổ phần hiện diện có quyền biểu quyết.

6. Thông qua quyết toán thù lao của HĐQT, BKS, TK HĐQT năm 2019 và phương án chi trả thù lao HĐQT, BKS, TK HĐQT năm 2020.

6.1. Quyết toán thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Thư ký Hội đồng quản trị kiêm nhiệm năm 2019:

- Thù lao của Hội đồng quản trị:

+ Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm nhiệm: 36.000.000 đồng (3.000.000 đồng/người/tháng).

+ Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm: 88.000.000 đồng (2.000.000 đồng/người/tháng).

- Thù lao của Ban kiểm soát, Thư ký HĐQT:

+ Trưởng Ban kiểm soát : 24.000.000 đồng (2.000.000 đồng/người/tháng).

+ Ủy viên Ban kiểm soát, Thư ký HĐQT kiêm nhiệm: 36.000.000 đồng (1.000.000 đồng/người/tháng)

6.2. Phương án chi trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Thư ký Hội đồng quản trị năm 2020:

- Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm nhiệm: 3.000.000 đồng/người/tháng.

- Ủy viên Hội đồng quản trị, Trưởng ban kiểm soát kiêm nhiệm: 2.000.000 đồng/người/tháng.

- Thành viên Ban Kiểm soát, Thư ký Hội đồng quản trị kiêm nhiệm: 1.000.000 đồng/người/tháng.

Kết quả biểu quyết

- Số cổ phần tán thành là 3.932.626 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100%/tổng số cổ phần hiện diện có quyền biểu quyết.

- Số cổ phần không tán thành là 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%/tổng số cổ phần hiện diện có quyền biểu quyết.

- Số cổ phần có ý kiến khác là 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%/tổng số cổ phần hiện diện có quyền biểu quyết.

7. Thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020

7.1. Nhiệm vụ trọng tâm

- Huy động mọi nguồn lực, tập trung chỉ đạo tổ chức hoạt động kinh doanh đảm bảo hoàn thành kế hoạch năm 2020.

- Quyết liệt xử lý, thu hồi công nợ và hàng tồn kho. Quản lý tốt công tác tài chính, cân đối nguồn vốn đảm bảo đáp ứng công tác kinh doanh và đầu tư xây dựng trên cơ sở an toàn vốn và ổn định kinh doanh.

- Tổ chức thực hiện các dự án đầu tư nâng cấp, cải tạo các cơ sở kinh doanh của Công ty đảm bảo hiệu quả, tuân thủ các quy định về quản lý đầu tư xây dựng cơ bản, đấu thầu và các quy định khác liên quan theo quy định.

- Nghiên cứu áp dụng các mô hình quản lý chuyên nghiệp, khai thác tối đa lợi thế về quy mô số lượng, có các giải pháp tăng cường năng lực cạnh tranh, giữ vững và phát triển mở rộng thị phần kinh doanh xe ô tô Mitsubishi tại thành phố Đà Nẵng và Huế.

- Tìm kiếm nghiên cứu phát triển thêm địa điểm/ đại lý kinh doanh xe ô tô Mitsubishi tại Đà Nẵng, Thừa Thiên Huế, Khánh Hòa và các tỉnh miền Trung, Tây Nguyên.

- Quản lý khai thác hiệu quả kho bãi và văn phòng cho thuê.

7.2. Các chỉ tiêu kế hoạch

STT	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2020
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	540,00
2	Lợi nhuận trước thuế	Nt	2,36
3	Lợi nhuận sau thuế	Nt	1,88
4	Nộp ngân sách nhà nước	Nt	2,00
5	Giá trị đầu tư	Nt	18,70
-	Nâng cấp, cải tạo xưởng dịch vụ và văn phòng Trung tâm ô tô Daesco Đà Nẵng	Nt	15,70
-	Nâng cấp Trung tâm ô tô Daesco Huế theo nhận diện thương hiệu mới	Nt	1,80
-	Nâng cấp, cải tạo Kho Thọ Quang	Nt	1,20
6	Tỷ lệ chia cổ tức	%	4

Kết quả biểu quyết

- Số cổ phần tán thành là 3.932.626 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100%/tổng số cổ phần hiện diện có quyền biểu quyết.

- Số cổ phần không tán thành là 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%/tổng số cổ phần hiện diện có quyền biểu quyết.

- Số cổ phần có ý kiến khác là 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%/tổng số cổ phần hiện diện có quyền biểu quyết.

8. Danh sách đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020

- Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC;

- Công ty TNHH Kiểm toán và thẩm định giá AFA;

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty lựa chọn Đơn vị kiểm toán trong danh sách nêu trên đáp ứng yêu cầu.

Kết quả biểu quyết

- Số cổ phần tán thành là 3.932.626 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100%/tổng số cổ phần hiện diện có quyền biểu quyết.

- Số cổ phần không tán thành là 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%/tổng số cổ phần hiện diện có quyền biểu quyết.

- Số cổ phần có ý kiến khác là 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%/tổng số cổ phần hiện diện có quyền biểu quyết.

9. Bổ sung ngành nghề đăng ký kinh doanh và sửa đổi Điều lệ Công ty

9.1. Bổ sung ngành nghề đăng ký kinh doanh sau:

TT	Tên ngành	Mã ngành
1	Cung ứng và quản lý nguồn lao động	7830

9.2. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, Điều 4, Điều lệ Công ty do bổ sung ngành nghề kinh doanh trên, cụ thể theo bảng đính kèm.

Kết quả biểu quyết

- Số cổ phần tán thành là 3.932.626 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100%/tổng số cổ phần hiện diện có quyền biểu quyết.

- Số cổ phần không tán thành là 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%/tổng số cổ phần hiện diện có quyền biểu quyết.

- Số cổ phần có ý kiến khác là 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%/tổng số cổ phần hiện diện có quyền biểu quyết.

*** Công bố kết quả bầu bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2016-2020**

Ông Trần Hữu Thành - Trưởng Ban kiểm phiếu công bố kết quả kiểm phiếu bầu bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2016-2020 như sau:

Kết quả bầu bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2016-2020:

STT	Họ và tên	Số phiếu bầu	Tỷ lệ
1	Ông Nguyễn Văn Trung	3.734.519	94,96%

(Biên bản kiểm phiếu đính kèm)

V. Các vấn đề được thông qua tại Đại hội

Căn cứ kết quả biểu quyết tại Đại hội, căn cứ Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty cổ phần Máy – Thiết bị Dầu khí Đà Nẵng và Quy chế làm việc tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2020, các vấn đề sau đây được thông qua:

1. Báo cáo của HĐQT tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2020.

2. Báo cáo kết quả SXKD năm 2019 và phương hướng SXKD năm 2020.

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm 2019	Thực hiện năm 2019	
				TH năm 2019	%TH so KH
1	Doanh thu, thu nhập	Tỷ đồng	300,00	806,51	269%
2	Lợi nhuận trước thuế	Nt	1,65	3,41	207%
3	Lợi nhuận sau thuế	Nt	1,32	2,73	207%
4	Nộp ngân sách nhà nước	Nt	1,20	3,30	275%
5	Giá trị đầu tư	Nt	6,50	5,99	92%

3. Báo cáo của Ban kiểm soát tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2020.

4. Báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán.

5. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2019.

Stt	Nội dung	Tỷ lệ phân phối	Số tiền (đồng)
1	Vốn góp của chủ sở hữu (VĐL)		42.000.000.000
2	Lợi nhuận chưa phân phối các năm trước		125.418.787
3	Lợi nhuận sau thuế năm 2019 (LNST)		2.728.764.773
4	Trích lập các quỹ và chia cổ tức		1.560.164.125

Stt	Nội dung	Tỷ lệ phân phối	Số tiền (đồng)
a	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	10% x LNST	272.876.477
b	Quỹ thưởng Ban quản lý điều hành	1% x LNST	27.287.648
c	Chia cổ tức	3% x VDL	1.260.000.000
5	Lợi nhuận còn lại chưa phân phối (5) = (2) + (3) - (4)		1.294.019.435

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty xem xét quyết định lựa chọn thời gian và địa điểm trả cổ tức phù hợp với tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty và lợi ích của cổ đông

6. Quyết toán thù lao HĐQT, BKS, TK HĐQT năm 2019 và phương án chi trả thù lao HĐQT, BKS, TK HĐQT năm 2020.

6.1. Quyết toán thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Thư ký Hội đồng quản trị kiêm nhiệm năm 2019:

- Thù lao của Hội đồng quản trị:
- + Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm nhiệm: 36.000.000 đồng (3.000.000 đồng/người/tháng).
- + Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm: 88.000.000 đồng (2.000.000 đồng/người/tháng).
- Thù lao của Ban kiểm soát, Thư ký HĐQT:
- + Trưởng Ban kiểm soát : 24.000.000 đồng (2.000.000 đồng/người/tháng).
- + Ủy viên Ban kiểm soát, Thư ký HĐQT kiêm nhiệm: 36.000.000 đồng (1.000.000 đồng/người/tháng)

6.2. Phương án chi trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Thư ký Hội đồng quản trị năm 2020:

- Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm nhiệm: 3.000.000 đồng/người/tháng.
- Ủy viên Hội đồng quản trị, Trưởng ban kiểm soát kiêm nhiệm: 2.000.000 đồng/người/tháng.
- Thành viên Ban Kiểm soát, Thư ký Hội đồng quản trị kiêm nhiệm: 1.000.000 đồng/người/tháng.

7. Kế hoạch SXKD năm 2020

7.1. Nhiệm vụ trọng tâm

- Huy động mọi nguồn lực, tập trung chỉ đạo tổ chức hoạt động kinh doanh đảm bảo hoàn thành kế hoạch năm 2020.

- Quyết liệt xử lý, thu hồi công nợ và hàng tồn kho. Quản lý tốt công tác tài chính, cân đối nguồn vốn đảm bảo đáp ứng công tác kinh doanh và đầu tư xây dựng trên cơ sở an toàn vốn và ổn định kinh doanh.

- Tổ chức thực hiện các dự án đầu tư nâng cấp, cải tạo các cơ sở kinh doanh của Công ty đảm bảo hiệu quả, tuân thủ các quy định về quản lý đầu tư xây dựng cơ bản, đấu thầu và các quy định khác liên quan theo quy định.

- Nghiên cứu áp dụng các mô hình quản lý chuyên nghiệp, khai thác tối đa lợi thế về quy mô số lượng, có các giải pháp tăng cường năng lực cạnh tranh, giữ vững và phát triển mở rộng thị phần kinh doanh xe ô tô Mitsubishi tại thành phố Đà Nẵng và Huế.

- Tìm kiếm nghiên cứu phát triển thêm địa điểm/ đại lý kinh doanh xe ô tô Mitsubishi tại Đà Nẵng, Thừa Thiên Huế, Khánh Hòa và các tỉnh miền Trung, Tây Nguyên.

- Quản lý khai thác hiệu quả kho bãi và văn phòng cho thuê.

7.2. Các chỉ tiêu kế hoạch

STT	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2020
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	540,00
2	Lợi nhuận trước thuế	Nt	2,36
3	Lợi nhuận sau thuế	Nt	1,88
4	Nộp ngân sách nhà nước	Nt	2,00
5	Giá trị đầu tư	Nt	18,70
6	Tỷ lệ chia cổ tức	%	4

8. Lựa chọn danh sách đơn vị kiểm toán thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020.

- Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC;
- Công ty TNHH Kiểm toán và thẩm định giá AFA;

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho hội đồng quản trị Công ty lựa chọn Đơn vị kiểm toán trong danh sách nêu trên đáp ứng yêu cầu.

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY-THIẾT BỊ DẦU KHÍ ĐÀ NẴNG
(Kèm theo Biên bản ĐHĐCĐ thường niên năm 2020
Của Công ty cổ phần Máy-Thiết bị Dầu khí Đà Nẵng)

Ngành, nghề kinh doanh của Công ty là:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511 (chính)
2	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;	4651
3	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình;	4649
4	Sửa chữa máy móc, thiết bị;	3312
5	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
6	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết : xây dựng công trình hạ tầng	4290
7	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác;	4513
8	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;	4653
9	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;	4659
10	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;	4663
11	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết : kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch	5510
12	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621
13	Xây dựng nhà các loại Chi tiết : xây dựng các công trình dân dụng	4100
14	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;	4520
15	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;	4530
16	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;	4620



STT	Tên ngành	Mã ngành
17	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;	4652
18	Bán buôn kim loại và quặng kim loại;	4662
19	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu;	4669
20	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết : kinh doanh vận tải khách theo hợp đồng	4932
21	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;	4933
22	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;	5210
23	Bốc xếp hàng hóa;	5224
24	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;	5229
25	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;	5610
26	Dịch vụ ăn uống khác;	5629
27	Đại lý du lịch Chi tiết : Kinh doanh du lịch lữ hành nội địa	7911
28	Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao;	9312
29	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu (trừ karaoke, vũ trường)	9329
30	Lắp đặt hệ thống điện;	4321
31	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;	4661
32	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu; chủ sử dụng hoặc đi thuê;	6810
33	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;	0810
34	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét Chi tiết : Sản xuất vật liệu xây dựng;	2392
35	Sản xuất phương tiện và thiết bị vận tải khác chưa được phân vào đâu Chi tiết : Thiết kế, cải tạo, đóng mới và sản xuất, lắp ráp phương tiện cơ giới đường bộ;	3099

11669
 CÔNG TY
 PHÂN
 THIẾT
 KHI
 NẮNG
 HAU-TP.

STT	Tên ngành	Mã ngành
36	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đầu Chi tiết : Sản xuất, lắp ráp dụng cụ cơ khí;	2599
37	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng Chi tiết : Sản xuất, lắp ráp hàng điện máy, đồ gia dụng	2640
38	Cung ứng và quản lý nguồn lao động	7830



Đà Nẵng, ngày 10 tháng 6 năm 2020

**BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU
BẦU BỔ SUNG THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ NHIỆM KỲ 2016-2020**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 64/2014/QH 13 do Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí Đà Nẵng;

Căn cứ Quy chế ứng cử, bầu cử thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Máy – Thiết bị Dầu khí Đà Nẵng nhiệm kỳ 2016-2020 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Đại hội,

Ban Kiểm phiếu chúng tôi gồm:

- | | |
|----------------------|--------------|
| - Ông Trần Hữu Thành | - Trưởng Ban |
| - Ông Đỗ Đức Quang | - Thành viên |
| - Bà Thái Thảo Ngọc | - Thành viên |

Ban Kiểm phiếu xin báo cáo kết quả kiểm phiếu bầu bổ sung Thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2016 -2020 của Công ty Cổ phần Máy – Thiết bị Dầu khí Đà Nẵng như sau:

I. Bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2016 -2020:

- Tổng số Phiếu bầu cử phát ra: 82 phiếu, tương ứng 3.932.626 cổ phần (93,63 % Vốn điều lệ).
- Tổng số Phiếu bầu cử thu về: 82 phiếu, tương ứng 3.932.626 cổ phần (93,63 % Vốn điều lệ).

Trong đó:

- + Số Phiếu bầu cử hợp lệ: 77 phiếu, tương ứng 3.734.519 cổ phần, chiếm 94,96% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.
- + Số Phiếu bầu cử không hợp lệ: 5 phiếu, tương ứng 198.107 cổ phần, chiếm 5,04 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

*** Kết quả bầu thành viên HĐQT như sau:**

1. Ông: Nguyễn Văn Trung

- Tổng số phiếu bầu: 3.734.519 phiếu, đạt tỉ lệ 94,96 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.



Căn cứ kết quả trên, các Ông/Bà có tên sau đây đã trúng cử Bầu bổ sung vào thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Máy – Thiết bị Dầu khí Đà Nẵng nhiệm kỳ 2016 - 2020:

1. Ông: Nguyễn Văn Trung

Biên bản kiểm phiếu được lập xong vào hồi 11 giờ 30 ngày 10/6/2020 và đã được báo cáo công khai trước Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.

BAN KIỂM PHIẾU

Trưởng ban



Trần Hữu Thành

Thành viên



Đỗ Đức Quang

Thành viên



Thái Thảo Ngọc



Đà Nẵng, ngày 10 tháng 6 năm 2020

NGHỊ QUYẾT

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY – THIẾT BỊ DẦU KHÍ ĐÀ NẴNG

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH 13 ban hành ngày 26/11/2014;
Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí Đà Nẵng;
Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 10/6/2020 .

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Thông qua các nội dung:

1. Báo cáo của Hội đồng quản trị tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2020.
2. Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019 và phương hướng sản xuất kinh doanh năm 2020:

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm 2019	Thực hiện năm 2019	
				TH năm 2019	%TH so KH
1	Doanh thu, thu nhập	Tỷ đồng	300,00	806,51	269%
2	Lợi nhuận trước thuế	Nt	1,65	3,41	207%
3	Lợi nhuận sau thuế	Nt	1,32	2,73	207%
4	Nộp ngân sách nhà nước	Nt	1,20	3,30	275%
5	Giá trị đầu tư	Nt	6,50	5,99	92%

3. Báo cáo của Ban kiểm soát tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2020.
4. Báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán.

5. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2019

Stt	Nội dung	Tỷ lệ phân phối	Số tiền (đồng)
1	Vốn góp của chủ sở hữu (VĐL)		42.000.000.000
2	Lợi nhuận chưa phân phối các năm trước		125.418.787
3	Lợi nhuận sau thuế năm 2019 (LNST)		2.728.764.773
4	Trích lập các quỹ và chia cổ tức		1.560.164.125
a	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	10% x LNST	272.876.477
b	Quỹ thưởng Ban quản lý điều hành	1% x LNST	27.287.648
c	Chia cổ tức	3% x VĐL	1.260.000.000
5	Lợi nhuận còn lại chưa phân phối (5) = (2) + (3) - (4)		1.294.019.435

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty xem xét quyết định lựa chọn thời gian và địa điểm trả cổ tức phù hợp với tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty và lợi ích của cổ đông.

6. Quyết toán thù lao của HĐQT, BKS, TK HĐQT năm 2019 và phương án chi trả thù lao HĐQT, BKS, TK HĐQT năm 2020:

6.1. Quyết toán thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Thư ký Hội đồng quản trị kiêm nhiệm năm 2019:

- Thù lao của Hội đồng quản trị:

+ Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm nhiệm: 36.000.000 đồng (3.000.000 đồng/người/tháng).

+ Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm: 88.000.000 đồng (2.000.000 đồng/người/tháng).

- Thù lao của Ban kiểm soát, Thư ký HĐQT:

+ Trưởng Ban kiểm soát : 24.000.000 đồng (2.000.000 đồng/người/tháng).

+ Ủy viên Ban kiểm soát, Thư ký HĐQT kiêm nhiệm: 36.000.000 đồng (1.000.000 đồng/người/tháng).



6.2. Phương án chi trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Thư ký Hội đồng quản trị năm 2020:

- Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm nhiệm: 3.000.000 đồng/người/tháng.
- Ủy viên Hội đồng quản trị, Trưởng ban kiểm soát kiêm nhiệm: 2.000.000 đồng/người/tháng.
- Thành viên Ban Kiểm soát, Thư ký Hội đồng quản trị kiêm nhiệm: 1.000.000 đồng/người/tháng.

7. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020

7.1. Nhiệm vụ trọng tâm

- Huy động mọi nguồn lực, tập trung chỉ đạo tổ chức hoạt động kinh doanh đảm bảo hoàn thành kế hoạch năm 2020.

- Quyết liệt xử lý, thu hồi công nợ và hàng tồn kho. Quản lý tốt công tác tài chính, cân đối nguồn vốn đảm bảo đáp ứng công tác kinh doanh và đầu tư xây dựng trên cơ sở an toàn vốn và ổn định kinh doanh.

- Tổ chức thực hiện các dự án đầu tư nâng cấp, cải tạo các cơ sở kinh doanh của Công ty đảm bảo hiệu quả, tuân thủ các quy định về quản lý đầu tư xây dựng cơ bản, đấu thầu và các quy định khác liên quan theo quy định.

- Nghiên cứu áp dụng các mô hình quản lý chuyên nghiệp, khai thác tối đa lợi thế về quy mô số lượng, có các giải pháp tăng cường năng lực cạnh tranh, giữ vững và phát triển mở rộng thị phần kinh doanh xe ô tô Mitsubishi tại thành phố Đà Nẵng và Huế.

- Tìm kiếm nghiên cứu phát triển thêm địa điểm/ đại lý kinh doanh xe ô tô Mitsubishi tại Đà Nẵng, Thừa Thiên Huế, Khánh Hòa và các tỉnh miền Trung, Tây Nguyên.

- Quản lý khai thác hiệu quả kho bãi và văn phòng cho thuê.

7.2. Các chỉ tiêu kế hoạch

STT	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2020
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	540,00
2	Lợi nhuận trước thuế	Nt	2,36
3	Lợi nhuận sau thuế	Nt	1,88
4	Nộp ngân sách nhà nước	Nt	2,00
5	Giá trị đầu tư	Nt	18,70
6	Tỷ lệ chia cổ tức	%	4



8. Danh sách đơn vị kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020

- Công ty TNHH Hãng Kiểm toán (AASC);
- Công ty TNHH Kiểm toán và thẩm định giá AFA;

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty lựa chọn đơn vị kiểm toán trong danh sách nêu trên đáp ứng yêu cầu.

9. Bổ sung ngành nghề đăng ký kinh doanh và sửa đổi Điều lệ Công ty

9.1. Bổ sung ngành nghề đăng ký kinh doanh sau:

TT	Tên ngành	Mã ngành
1	Cung ứng và quản lý nguồn lao động	7830

9.2. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, Điều 4, Điều lệ Công ty do bổ sung ngành nghề kinh doanh trên, cụ thể theo bảng đính kèm.

10. Thông qua việc miễn nhiệm Ông Nguyễn Thơi – Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Máy – Thiết bị Dầu khí Đà Nẵng nhiệm kỳ 2016-2020.

11. Danh sách trúng cử bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2016-2020 gồm có 01 thành viên:

- Ông Nguyễn Văn Trung

Điều 2: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí Đà Nẵng giao cho Hội đồng quản trị căn cứ các nội dung trên triển khai thực hiện theo đúng quy định của Điều lệ Công ty và pháp luật hiện hành.

Điều 3: Nghị quyết này được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí Đà Nẵng thông qua toàn văn tại Đại hội với tỷ lệ biểu quyết tán thành 100% tổng số cổ phần hiện diện có quyền biểu quyết tại Đại hội và có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Cổ đông PVM-DAESCO;
- UBCKNN; TTLKCKVN (báo cáo);
- Thành viên HĐQT;
- Thành viên BKS;
- Ban Giám đốc;
- Lưu: VT, HĐQT.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH



Phan Trung Nghĩa

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY-THIẾT BỊ DẦU KHÍ ĐÀ NẴNG
(Kèm theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2020
Của Công ty cổ phần Máy-Thiết bị Dầu khí Đà Nẵng)

Ngành, nghề kinh doanh của Công ty là:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511 (chính)
2	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;	4651
3	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình;	4649
4	Sửa chữa máy móc, thiết bị;	3312
5	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
6	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết : xây dựng công trình hạ tầng	4290
7	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác;	4513
8	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;	4653
9	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;	4659
10	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;	4663
11	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết : kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch	5510
12	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621
13	Xây dựng nhà các loại Chi tiết : xây dựng các công trình dân dụng	4100
14	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;	4520
15	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;	4530
16	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;	4620



STT	Tên ngành	Mã ngành
17	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;	4652
18	Bán buôn kim loại và quặng kim loại;	4662
19	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu;	4669
20	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết : kinh doanh vận tải khách theo hợp đồng	4932
21	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;	4933
22	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;	5210
23	Bốc xếp hàng hóa;	5224
24	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;	5229
25	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;	5610
26	Dịch vụ ăn uống khác;	5629
27	Đại lý du lịch Chi tiết : Kinh doanh du lịch lữ hành nội địa	7911
28	Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao;	9312
29	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu (trừ karaoke, vũ trường)	9329
30	Lắp đặt hệ thống điện;	4321
31	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;	4661
32	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu; chủ sử dụng hoặc đi thuê;	6810
33	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;	0810
34	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét Chi tiết : Sản xuất vật liệu xây dựng;	2392
35	Sản xuất phương tiện và thiết bị vận tải khác chưa được phân vào đâu Chi tiết : Thiết kế, cải tạo, đóng mới và sản xuất, lắp ráp phương tiện cơ giới đường bộ;	3099



STT	Tên ngành	Mã ngành
36	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu Chi tiết : Sản xuất, lắp ráp dụng cụ cơ khí;	2599
37	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng Chi tiết : Sản xuất, lắp ráp hàng điện máy, đồ gia dụng	2640
38	Cung ứng và quản lý nguồn lao động	7830

